

Số: /ĐA-UBND

Long Khánh, ngày tháng 01 năm 2022

Dự thảo

**ĐỀ ÁN**  
**Đặt, đổi tên đường và công trình công cộng**  
**trên địa bàn thành phố Long Khánh**  
**(giai đoạn 2)**

**I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

Luật Giao thông đường bộ (Luật số 23/2008/QH) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ Ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng;

Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP;

Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về phát triển đô thị Long Khánh đến năm 2020 và giai đoạn đến năm 2025;

Nghị quyết số 673/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc thành lập, giải thể, điều chỉnh địa giới hành chính một số đơn vị hành chính cấp xã và thành lập thành phố Long Khánh thuộc tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 1496/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng về việc công nhận thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai là đô thị loại III;

Quyết định số 5100/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/10.000 thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Xuân Hòa, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Xuân Trung, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Xuân Thanh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Bàu Trâm, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Bàu Sen, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Xuân Lập, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Suối Tre, thị xã Long Khánh;

Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh;

Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh;

Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh;

Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai Duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Phú Bình, thị xã Long Khánh;

Kế hoạch số 4140/KH-UBND ngày 29/6/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành kế hoạch đánh số nhà và gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 9/3/2021 của UBND thành phố Long Khánh về việc thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh, sửa đổi, đặt mới tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Long Khánh;

Bản đồ hiện trạng giao thông và quy hoạch giao thông vận tải thành phố Long Khánh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; các bản đồ quy hoạch giao thông các phường, xã thuộc thành phố Long Khánh.

## **II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV ban hành Nghị quyết số 673/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập, giải thể, điều chỉnh địa giới hành chính một số đơn vị hành chính cấp xã và thành lập thành phố Long Khánh thuộc tỉnh Đồng Nai; theo đó, thành phố Long Khánh có 15 đơn vị hành chính gồm: 11 phường: Bảo Vinh, Bàu Sen, Phú Bình, Suối Tre, Xuân An, Xuân Bình, Xuân Hòa, Xuân Lập, Xuân Tân, Xuân Thanh, Xuân Trung và 4 xã: Bảo Quang, Bàu Trâm, Bình Lộc, Hàng Gòn.

Thành phố Long Khánh có diện tích tự nhiên 191,75 km<sup>2</sup>; dân số 171.276 người; phía Đông giáp huyện Xuân Lộc, phía Tây giáp huyện Thống Nhất, phía Nam giáp huyện Cẩm Mỹ và phía Bắc giáp huyện Định Quán.

Ngày 10 tháng 12 năm 2009, Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa VII, kỳ họp thứ 18 đã ban hành Nghị quyết số 159/2009/NQ-HĐND về việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng ở thị xã Long Khánh, thị trấn Gia Ray huyện Xuân Lộc, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú và thị trấn Long Thành, huyện Long Thành; theo đó thị xã Long Khánh có 73 đường được đặt tên, trong đó: 14 đường giữ nguyên tên, 8 đường giữ nguyên tên nhưng có điều chỉnh quy mô nối dài, 3 đường đổi tên và 48 đường đặt tên mới.

Sau 10 năm xây dựng và phát triển, theo quy hoạch thành phố Long Khánh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, nhiều tuyến đường nội ô, tuyến đường liên phường, liên xã được xây dựng, quy hoạch mở rộng (bề mặt đường từ 6 mét trở lên). Ngoài 73 tuyến đường đã có tên, hiện nay thành phố Long Khánh còn 116 tuyến đường liên phường, liên xã, đường nội đô chưa có tên, hoặc được gọi tên theo tên phường xã, tên mang ký hiệu bằng chữ, số như: XA, XH, XP, PB, XT, XTR...

Với những đặc điểm tình hình của Thành phố Long Khánh và xuất phát từ thực trạng, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, việc đặt tên đường và công trình công cộng (giai đoạn 2) cho mạng lưới giao thông đô thị kết hợp với công tác đánh số và gắn biển số nhà là việc làm hết sức cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý xã hội, góp phần hoàn thiện các thể chế và thiết chế văn hóa xã hội tại thành phố Long Khánh, phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

Việc đặt tên đường mang tính chất khoa học, phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tạo ra bộ mặt văn minh, văn hóa đô thị, có ý

nghĩa giáo dục truyền thống yêu nước, lịch sử văn hóa địa phương, gắn liền với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Bên cạnh đó, việc đặt tên đường và công trình công cộng còn phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền thành phố Long Khánh trên các lĩnh vực quản lý hành chính, xã hội, quốc phòng an ninh, tạo điều kiện thuận lợi trong giao tiếp đối nội, đối ngoại, trao đổi văn hóa và quan hệ kinh tế của nhân dân trong và ngoài địa phương.

### **III. NỘI DUNG**

#### **1. Mục đích và yêu cầu**

##### ***1.1. Mục đích***

- Đáp ứng yêu cầu cho công tác quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố Long Khánh;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và giao tiếp của nhân dân trong và ngoài thành phố Long Khánh;
- Góp phần xây dựng nét đẹp truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và giáo dục truyền thống ở địa phương;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh số nhà trên địa bàn thành phố Long Khánh.

##### ***1.2. Yêu cầu***

- Thể hiện nét hài hòa về truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương;
- Có tính giáo dục truyền thống đối với quần chúng nhân dân địa phương;
- Đạt tính ổn định lâu dài, đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố Long Khánh theo quy hoạch;
- Dễ nhớ, thuận tiện cho công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn và thuận tiện các mối quan hệ trong xã hội.

#### **2. Nguyên tắc đặt tên đường và công trình công cộng**

##### ***2.1. Nguyên tắc chung***

- Tên đường được đặt là những danh nhân lịch sử, danh nhân văn hóa, những người yêu nước, những nhà hoạt động cách mạng có nhiều đóng góp trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, có những cống hiến xuất sắc cho dân tộc trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội... đã mất và được lịch sử công nhận;
- Tên danh nhân kết hợp cả thời kỳ cổ đại, trung đại, cận hiện đại của dân tộc, của địa phương thể hiện sự hài hòa và nét đẹp lịch sử, văn hóa dân tộc và cách mạng;
- Những sự kiện lịch sử, địa danh lịch sử có ý nghĩa truyền thống, những nhân vật lịch sử, cách mạng có nhiều đóng góp cho địa phương;
- Khu vực địa bàn mang tên nhân vật từng hoạt động trong thời gian lâu dài, hoặc sự kiện lịch sử gắn với nhân vật;

- Tên đường và công trình công cộng phải có ý nghĩa, dễ nhớ, thuận tiện cho công tác quản lý tất cả các lĩnh vực trên địa bàn và các mối quan hệ xã hội.

## **2.2. Nguyên tắc cụ thể**

- Trên một trục đường cố gắng không chia cắt để đặt nhiều tên, chỉ chia cắt đường để đặt tên khác khi gặp ngã ba, ngã tư hoặc vòng xoay;

- Danh nhân có nhiều cống hiến đóng góp với lịch sử, văn hóa được đặt cho đường có vị trí và quy mô hơn (như: Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Phú, ...);

- Việc đặt tên đường và công trình công cộng có lưu ý đến những đặc điểm về không gian, thiết chế kinh tế, văn hoá, xã hội mà đường đi qua để đặt tên cho phù hợp, dễ nhớ;

- Danh mục tên đường căn cứ vào Danh mục các danh nhân Việt Nam để đặt tên đường và Ngân hàng tên đường của Hội đồng tư vấn đặt, đổi tên đường và công trình công cộng của tỉnh Đồng Nai.

- Đường tuy mặt cắt đạt chuẩn 6 mét, nhưng quá ngắn từ 100m đến dưới 150 mét không đặt tên. Con đường đó được xem như “đường nhánh”. Khi đặt số nhà hay cơ sở thiết chế hành chính, văn hóa... nằm trên đường nhánh đó, sẽ lấy tên đường chính bên ngoài có “sur”.

- Ngược lại, có những con đường ở phường (liên phường) tương đối dài (trên 1000m), nhưng mặt cắt dưới 6m sẽ nghiên cứu đặt tên đường.

## **3. Đặt đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Long Khánh (giai đoạn 2)**

### **3.1. Đặt tên 27 (hai mươi bảy) tuyến đường liên phường, liên xã, liên huyện**

Đây là những tuyến đường có quy mô lớn. Nhiều tuyến đường mang tính chất liên huyện, liên xã kết nối giao thông khu vực và có ý nghĩa đến sự phát triển kinh tế, văn hóa xã hội và quốc phòng an ninh trên địa bàn.

- Những tuyến đường liên xã, liên phường, liên huyện ở thành phố Long Khánh có quy mô và độ dài lớn, đặt tên các lãnh tụ cách mạng.

- Những tuyến đường liên xã, liên phường còn lại sẽ đặt tên các vị vua anh minh thời phong kiến hoặc các danh tướng, danh nhân lịch sử, văn hóa.

### **3.2. Đặt tên 27 (hai mươi bảy) tuyến đường liên phường, liên xã, liên huyện**

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
1	Đường vành đai 1 (Suối Tre, Bàu	Điểm đầu giao với Quốc lộ I, điểm cuối giao	<b>Nguyễn Tất Thành</b>	Dài 4.400m. Mặt cắt ngang:	

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
	Sen, Phú Bình)	đường vành đai 2		19m	
2	Đường vành đai 2 (3 phường Phú Bình, Xuân Hòa, Xuân Tân)	Điểm đầu giao với Quốc lộ 1, điểm cuối giao với đường Trảng Bom – Xuân Lộc	<b>Tôn Đức Thắng</b>	Dài 5600m. Mặt cắt ngang: 19m	
3	Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra (Xuân Tân, Xuân Hòa)	Điểm đầu Nguyễn Trãi (qua khu đô thị mới). Điểm cuối đường Lê Hồng Phong	<b>Dương Quang Đông</b>	Dài 2.977,24m Mặt cắt ngang: 9m	
4	Đường Ruộng Tre - Thọ An (Bảo Quang, Bảo Vinh)	Điểm đầu Hàm Nghị. Điểm cuối Đường tỉnh 763	<b>Nguyễn Kim</b>	Dài 8.491,54m Mặt cắt ngang: 20m	
5	Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc (Bảo Quang)	Điểm đầu Ruộng Tre-Thọ An Điểm cuối giáp Xuân Lộc	<b>Nguyễn Phúc Tân</b>	Dài 5.729,50m Mặt cắt ngang: 20m	
6	Đường Cầu Cháy, xã Bình Lộc đi Bàu Cối, xã Bảo Quang (Bình Lộc, Bảo Quang)	Điểm đầu tiếp giáp đường Bình Lộc – Cây Da – Xuân Bắc. Điểm cuối giáp ấp Bàu Cối, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc	<b>Trương Văn Bang</b>	Dài 3.940,06m Mặt cắt ngang: 20m	
7	Đường Bình Lộc Tín Nghĩa (Bình Lộc)	Điểm đầu Lê A. Điểm cuối giáp Thống Nhất	<b>Hà Huy Tập</b>	Dài 6.425,92m Mặt cắt ngang: 20m	
8	Đường Bàu Trâm 1 (Bàu Trâm)	Điểm đầu Điều Xiển. Điểm cuối giáp Xuân Lộc	<b>Nguyễn Đức Cảnh</b>	Dài 4.186,76m Mặt cắt ngang: 20m	

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
9	Đường Bà Trâm - Xuân Thọ (Bà Trâm)	Điểm đầu Bà Trâm 1. Điểm cuối giáp xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc	<b>Nguyễn Phúc Nguyên</b>	Dài 2.683,35m Mặt cắt ngang: 20m	
10	Đường Bảo Quang - Xuân Bắc	Điểm đầu UBND xã Bảo Quang. Điểm cuối xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc	<b>Nguyễn Hoàng</b>	Dài 4.968,91m Mặt cắt ngang: 20m	
11	Đường Hàng Gòn - Xuân Quê (Hàng Gòn)	Điểm đầu Quốc lộ 56. Điểm cuối giáp Cẩm Mỹ	<b>Nguyễn Văn Linh</b>	Dài 4.359,41m Mặt cắt ngang: 20m	
12	Đường Xuân Tân - Hàng Gòn	Điểm đầu Quốc lộ 56 Đồi Riu. Điểm cuối giáp Bà Sen	<b>Nguyễn Phúc Khoát</b>	Dài 4.727,82m Mặt cắt ngang: 20m	
13	Đường Bảo Quang - Bà Cối	Điểm đầu Bảo Vinh – Bảo Quang. Điểm cuối Bảo Vinh B – Bà Cối	<b>Nguyễn Phúc Chu</b>	Dài 4.672,45m Mặt cắt ngang: 20m	
14	Đường UBND xã Bình Lộc đến giáp cầu áp 3, xã Bình Lộc	Điểm đầu giáp Lê A. Điểm cuối giáp ấp Tín Nghĩa, xã Xuân Thiện huyện Thống Nhất	<b>Lê A</b>	Dài 3.800m Mặt cắt ngang: 10,5m	
15	Đường Điều Xiển (Bà Trâm)	Điểm đầu Ngô Quyền. Điểm cuối Bà Trâm 1	<b>Điều Xiển</b>	Dài 1.429,36m Mặt cắt ngang: 20m	
16	Đường Bình Lộc - Cây Da – Xuân Bắc	Điểm đầu Lê A. Điểm cuối giáp Xuân Lộc	<b>Trần Văn Giàu</b>	Dài 6.845,37m Mặt cắt ngang: 20m	
17	Đường Xuân Lập - Bà Sao.	Điểm đầu Xuân Lập - Bà Sao.	<b>Nguyễn Hữu</b>	Dài 2.762,41m	

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
	Lập - Hàng Gòn	Điểm cuối Quốc lộ 56 - Đồi Riu	<b>Thọ</b>	Mặt cắt ngang: 20m	
18	Đường Hồ Thị Hương đến đường số 4 Bàu Trâm	Điểm đầu đường Hồ Thị Hương. Điểm cuối đường số 4 Bàu Trâm	<b>Nguyễn Hữu Đạt</b>	Dài 2.138,15m Mặt cắt ngang: 7m	
19	Đường DT 763B (Bình Lộc, Bảo Quang)	Điểm đầu giáp đường Bình Lộc-Tín Nghĩa. Điểm cuối giáp đường Suối Chồn – Bàu Cối	<b>Trương Chinh</b>	Dài 11.372,04m Mặt cắt ngang: 20m	
20	Đường Suối Chồn – Bàu Cối)	Điểm đầu Lê A. Điểm cuối giáp ranh xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc	<b>Phạm Văn Đồng</b>	Dài 8000 m Mặt cắt ngang: 20m	
21	Đường Suối Tre-Bình Lộc	Điểm đầu đường 21 tháng 4. Điểm cuối giáp xã Xuân Thiện (huyện TN)	<b>Võ Văn Ngân</b>	Dài 4500m. Mặt Cắt ngang: 19m	
22	Tên Quy hoạch XH12 và PB1) qua phường Xuân Hòa, Phú Bình Xuân Tân	Điểm đầu Nguyễn Trãi. Điểm cuối đường Lê Hồng Phong	<b>Nguyễn Phong Sắc</b>	Dài 1800m. Mặt cắt ngang: 10,5m	
23	Đường Miếu Bà xã Bàu Trâm đi phường Xuân Thanh	Điểm đầu Ngô Quyền. Điểm cuối đường Điều Xiển	<b>Lê Văn Lương</b>	Dài 1800m. Mặt cắt ngang: 9m	
24	Đường Phú Bình-Bàu Sen (tên quy hoạch PB-26	Điểm đầu đường 21 tháng 4. Điểm cuối đường Nguyễn Văn Trỗi (XB9	<b>Huỳnh Tấn Phát</b>	Dài 2500m. Mặt cắt ngang: 12m	



<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
		qua Phú Bình, Xuân Bình, Bàu Sen			
25	Đường trục Đông tây qua phường Xuân Bình, Bàu Sen	Điểm đầu CMT8. Điểm cuối phường Bàu Sen	<b>Võ Văn Kiệt</b>	Dài 3000m. Mặt Cắt ngang: 21m	
26	Quốc lộ 56 - Xuân Lập	Điểm đầu Quốc lộ 56. Điểm cuối phường Bàu Sen	<b>Lê Duẩn</b>	Dài 5700m. Mặt Cắt ngang: 20m	
27	Đường Xuân Lập –Xuân Tân	Điểm đầu Quốc lộ 56 – Đồi Riu. Điểm cuối đường Xuân Lập – Bàu Sao.	<b>Lê Trọng Tấn</b>	Dài 2200m. Mặt Cắt ngang: 20m	

### 3.3. Đặt tên các tuyến đường trong nội ô thành phố

#### 3.3.1. Phường Xuân An:

Gồm 7 tuyến đường, có đặc điểm đều đi ngang qua các thiết chế giáo dục, đào tạo (trường THCS, THPT, trường Quốc tế...), đặt tên danh nhân nhà văn hóa, nhà giáo nổi tiếng có nhiều đóng góp cho dân tộc.

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
28	XA- 1	Điểm đầu Trần Phú (Xuân Trung). Điểm cuối Thích Quảng Đức (Xuân An)	<b>Đặng Đức Thuật</b>	Dài 806,80m Mặt cắt ngang 9m	qua trường MG Thanh An và TH Phan Chu Trinh)
29	XA- 2	Điểm đầu XA-1. Điểm cuối Nguyễn Thị Minh Khai (Xuân An, Xuân	<b>Đào Duy Anh</b>	Dài 193,70m Lộ giới Mặt cắt ngang 9m	qua trường TH Trần

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
		Hòa)			Phú
30	XA- 3	Điểm đầu Hồ Tùng Mậu (Xuân Thanh, Xuân An). Điểm cuối Thích Quảng Đức	<b>Đặng Thai Mai</b>	Dài 537,66m Lộ giới Mặt cắt ngang 9m	qua trường Quốc tế
31	XA- 4	Điểm đầu XA-3. Điểm cuối XA- 7	<b>Dương Quảng Hàm</b>	Dài 404,50m Lộ giới Mặt cắt ngang 9m	qua trường Quốc tế
32	XA- 5	Điểm đầu Hồ Thị Hương. Điểm cuối XA- 4	<b>Ca Văn Thỉnh</b>	Dài 404,97m Lộ giới Mặt cắt ngang 7m	qua trường Quốc tế
33	XA- 6	Điểm đầu Thích Quảng Đức. Điểm cuối XA- 7	<b>Cao Xuân Huy</b>	Dài Lộ giới Mặt cắt ngang 7m	
34	XA- 7	Điểm đầu Nguyễn T Minh Khai. Điểm cuối Nguyễn Tri Phương	<b>Hồ Đắc Di</b>	Dài 766,38m Lộ giới Mặt cắt ngang 9m	qua trường Nguyễn Thái Bình

### **3.3.2. Phường Xuân Bình:**

Gồm 10 tuyến đường có quy mô không lớn (dài từ trên 200-400 mét; chiều rộng mặt đường 7 mét, chỉ có đường XB-10 rộng 14 mét. Một số đường tiếp giáp với địa giới phường Xuân An, Xuân Hòa, Xuân Trung; đặt tên những danh nhân lịch sử là những danh tướng trong kháng chiến chống thực dân Pháp thời kỳ phong kiến (1858-1945):

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
35	XB-1	Điểm đầu 21/4. Điểm cuối Võ Duy	<b>Hoàng Hoa Thám</b>	Dài 265,57m Mặt cắt	

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
		Dương.		ngang: 7m	
36	XB-2	Điểm đầu 21/4. Điểm cuối Võ Duy Dương	<b>Nguyễn Thiện Thuật</b>	Dài 274,27m Mặt cắt ngang: 7m	
37	XB-3	Điểm đầu 21/4. Điểm cuối Võ Duy Dương	<b>Cao Thắng</b>	Dài 255,94m Mặt cắt ngang: 7m	
38	XB-4	Điểm đầu 21/4. Điểm cuối Võ Duy Dương	<b>Nguyễn Hữu Huân</b>	Dài 250m. Mặt cắt ngang:	
39	XB-6	Điểm đầu 21/4. Điểm cuối Lương Đình Của	<b>Phạm Hồng Thái</b>	Dài 263,20m Mặt cắt ngang 7m	
40	XB-7	Điểm đầu XB-6. Điểm cuối XB-8	<b>Tôn Thất Thuyết</b>	Dài 252,94m Mặt cắt ngang 7m	
41	XB-8	Điểm đầu 21/4. Điểm cuối Lương Đình Của	<b>Nguyễn Khắc Nhu</b>	Dài 177,26m Mặt cắt ngang 7m	
42	XB9	Điểm đầu 21/4. Điểm cuối Lương Đình Của	<b>Phó Đức Chính</b>	Dài: 235,2m Mặt cắt ngang 7m	
43	XB11	Điểm đầu Bùi Thị Xuân (Xuân Bình). Điểm cuối XB-10	<b>Trần Cao Vân</b>	Dài 178,46m Mặt cắt ngang 7m	
44	XB 12	Song song đường Mạc Đình Chi	<b>Lương Văn Can</b>	Dài: 179,3 Mặt cắt ngang: 6m	Hẻm 516 Hùng Vương

### **3.3.3. Phường Xuân Hòa:**

Gồm 16 tuyến đường, tiếp giáp với phường Xuân An, Xuân Hòa và Phú Bình. XH 1 và XH 3 tiếp giáp Nguyễn Văn Cừ và Trần Huy Liệu là hai nhà cách mạng. XH 2 tiếp giáp CMT8 và XH1, đặt tên anh hùng cách mạng. XH 4-17 nằm trong

cụm đường danh nhân thời phong kiến cổ trung đại (Hai Bà Trưng, Nguyễn Trãi, Lý Thái Tô, Quang Trung và vành đai 2), đặt tên danh nhân văn hóa trung cổ đại thời phong kiến.

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
45	XH -1	Điểm đầu Nguyễn Văn Cừ. Điểm cuối Trần Huy Liệu (Xuân Hòa)	<b>Tô Hiệu</b>	Dài 421,08m Mặt cắt ngang: 6m	
46	XH -2	Điểm đầu CMT8. Điểm cuối XH-1	<b>Cao Văn Lầu</b>	Dài 120.45m Mặt cắt ngang: 6m	
47	XH -3	Điểm đầu Nguyễn Văn Cừ. Điểm cuối Trần Huy Liệu	<b>Nguyễn Trọng Nhân (Xuân Thủy)</b>	Dài 434,87m Mặt cắt ngang: 6m	
48	XH -4	Điểm đầu 21/4. Điểm cuối XH-7	<b>Nguyễn An Ninh</b>	Dài 208,59m Mặt cắt ngang 6m	
49	XH -5	Điểm đầu 21/4. Điểm cuối XH-7	<b>Đặng Đức Siêu</b>	Dài 220,75m Mặt cắt ngang: 7m	
50	XH -6	Điểm đầu 21/4. Điểm cuối đường Vành đai	<b>Đặng Đức Thuật</b>	Dài 1.512,33m Mặt cắt ngang: 7m	
51	XH -7	Điểm đầu Hai Bà Trưng (Xuân Hòa). Điểm cuối XH -6	<b>Hồ Xuân Hương</b>	Dài 536,6m Lộ giới Mặt cắt ngang: 7m	
52	XH -8	Điểm đầu Nguyễn Trãi (Xuân Hòa). Điểm cuối Hai Bà Trưng.	<b>Hồ Biểu Chánh</b>	Dài 110,72m Mặt cắt ngang: 7m	
53	XH -9	Điểm đầu Quang Trung (Xuân Hòa). Điểm cuối XH6	<b>Đặng Văn Ngữ</b>	Dài 864,75m Mặt cắt ngang: 10,5m	

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
54	XH -10	Điểm đầu Quang Trung. Điểm cuối Hai Bà Trưng.	<b>Lê Văn Thịnh</b>	Dài 309,60m Mặt cắt ngang 7m	
55	XH -11	Điểm đầu Lý Thái Tổ. Điểm cuối XH6	<b>Ngô Nhơn Tịnh</b>	Dài 259.43m. Mặt cắt ngang: 9m	
56	XH -13	Điểm đầu Cách mạng tháng tám nối dài, điểm cuối XH-6	<b>Thân Nhân Trung</b>	Dài 994,47m Lộ giới Mặt cắt ngang 10,5m	
57	XH -14	Điểm đầu Quang Trung. Điểm cuối Đường Vành đai	<b>Nguyễn Khuyến</b>	Dài 520,93m Lộ giới Mặt cắt ngang 10,5m	
58	XH -15	Điểm đầu XH-14. Điểm cuối Hồ Thị Hương.	<b>Dương Khuê</b>	Dài 994,47m Lộ giới Mặt cắt ngang 10,5m	
59	XH-16	Điểm đầu Quang Trung. Điểm cuối Đường Vành đai	<b>Dương Bá Trạc</b>	Dài 435,55m Lộ giới Mặt cắt ngang 10,5m	
60	XH-17	Điểm đầu CMT8. Điểm cuối Đường Vành đai	<b>Bùi Hữu Nghĩa</b>	Dài 454,41m Lộ giới Mặt cắt ngang 10,5m	

#### **3.3.4. Phường Xuân Thanh:**

Gồm 16 tuyến đường, giáp với phường Xuân An, Xuân Trung. Những con đường này nằm trong khu vực mang tên sự kiện như 9 tháng Tư, lãnh tụ cách mạng (Trần Phú), Ngô Quyền, lãnh đạo kháng chiến địa phương (Trần Văn Thi, Lê Văn Vận), đặt tên những nhà hoạt động cách mạng thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1945-1954)

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
61	XTH-1	Điểm đầu đường 9/4. Điểm cuối ranh Xuân An	<b>Lý Văn Sâm</b>	Dài 255m Mặt cắt ngang 7m	
62	XTH-2	Điểm đầu Trương Định. Điểm cuối Trần Văn Thi	<b>Nguyễn Bình (Nguyễn Phương Thảo)</b>	Dài 1.038,97m Mặt cắt ngang 7m	
63	XTH-3	Điểm đầu đường 9/4. Điểm cuối ranh Bảo Vinh	<b>Hồ Văn Huê</b>	Dài 381,31m Mặt cắt ngang 7m	
64	XTH-4	Điểm đầu đường XTH-5. Điểm cuối ranh Xuân An	<b>Nguyễn Chí Diệu</b>	Dài 285,16m Mặt cắt ngang 7m	
65	XTH-5	Điểm đầu đường XTH-3. Điểm cuối Trần Văn Thi	<b>Lê Văn Sĩ</b>	Dài 270,31m Mặt cắt ngang 7m	
66	XTH-6	Điểm đầu Trần Văn Thi. Điểm cuối Lê Văn Vận	<b>Phạm Ngọc Thảo</b>	Dài 161,99m Lộ giới Mặt cắt ngang 7m	
67	XTH-7	Điểm đầu đường XTH-8. Điểm cuối đường 9/4	<b>Thái Văn Lung</b>	Dài 334,62m Mặt cắt ngang 7m	
68	XTH-8	Điểm đầu Trần Văn Thi. Điểm cuối Hồ Thị Hương	<b>Nguyễn Đức Thuận</b>	Dài 489,29m Mặt cắt ngang 7m	
69	XTH-9	Điểm đầu đường XTH-8. Điểm cuối đường 9/4	<b>Hoàng Thế Thiện</b>	Dài 305,21m Mặt cắt ngang 7m	
70	XTH-10	Điểm đầu đường 9/4. Điểm cuối Hoàng Diệu	<b>Hoàng Cầm</b>	Dài 479,43m Mặt cắt ngang 7m	

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
71	XTH-11	Điểm đầu đường XTH-7. Điểm cuối Trần Văn Thi	<b>Nguyễn Thị Định</b>	Dài 556,41m Mặt cắt ngang 7m	
72	XTH-12	Điểm đầu Hoàng Diệu. Điểm cuối đường XTH-8	<b>Đinh Quang Ân</b>	Dài 138,98m Mặt cắt ngang 7m	
73	XTH-13	Điểm đầu Lê Văn Vận. Điểm cuối Ngô Quyền	<b>Hồ Văn Đại</b>	Dài 215,88m Mặt cắt ngang 7m	
74	XTH-14	Điểm đầu Phạm Thế Hiển. Điểm cuối Hà Huy Giáp	<b>Trần Văn Trà</b>	Dài 922,67m Mặt cắt ngang 7m	
75	XTH-15	Điểm đầu Phạm Thế Hiển. Điểm cuối Trần Phú	<b>Tô Ký</b>	Dài 189,59m Mặt cắt ngang 7m	
76	XTH-16	Điểm đầu đường Hồ Thị Hương. Điểm cuối đường Ngô Quyền	<b>Phạm Văn Thuận</b>	Dài 425,81m Mặt cắt ngang 7m	

### **3.3.5. Phường Xuân Trung:**

Gồm 17 tuyến đường gắn với khu vực mang tên các danh nhân Hùng Vương, Hồ Thị Hương, Trần Thượng Xuyên, Huỳnh Văn Nghệ, Đào Trí Phú, Lê Quang Định, Nguyễn Trung Trực, Khổng Tử. Tùy vào vị trí và khu vực, đặt tên đường là những danh tướng thời phong kiến, trong đó có hai nữ tướng Lê Chân, Triệu Thị Trinh (vì gắn với đường Hồ Thị Hương); những người có công mở đất (gắn với Trần Thượng Xuyên) và danh nhân văn hóa gắn với những nhân vật danh nhân văn hóa đã có tên trong khu vực.

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
77	XT-1	Điểm đầu Hùng Vương. Điểm cuối Hồ Thị Hương	<b>Lê Chân</b>	Dài 266,59m Mặt cắt ngang 7m	

<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
78	XT-2	Điểm đầu Trần Thượng Xuyên. Điểm cuối Lê Quang Định	<b>Thoại Ngọc Hầu</b>	Dài 139,48m Mặt cắt ngang 9m	
79	XT-3	Điểm đầu XT-1. Điểm cuối Lê Quang Định	<b>Nguyễn Cư Trinh</b>	Dài 139,74m Mặt cắt ngang 9m	
80	XT-4	Điểm đầu Trần Thượng Xuyên. Điểm cuối Lê Quang Định	<b>Trương Minh Giảng</b>	Dài 140,90m Mặt cắt ngang 7m	
81	XT-5	Điểm đầu Hùng Vương. Điểm cuối Đào Trí Phú	<b>Đặng Trần Côn</b>	Dài 210,84m Mặt cắt ngang 10,5m	
82	XT-6	Điểm đầu Đào Trí Phú. Điểm cuối XT-7	<b>Chu Mạnh Trinh</b>	Dài 140,90m Mặt cắt ngang 7m	
83	XT-7	Điểm đầu XT-5. Điểm cuối Huỳnh Văn Nghệ	<b>Nguyễn Duy</b>	Dài 110,39m Mặt cắt ngang 7m	
84	XT-8	Điểm đầu Lê Quang Định. Điểm cuối Nguyễn Trung Trực	<b>Nguyễn Hồng Lâm</b>	Dài 229,24m Lộ giới Mặt cắt ngang 9m	
85	XT-9	Điểm đầu Hùng Vương. Điểm cuối XT-10	<b>An Dương Vương</b>	Dài 172,57m Mặt cắt ngang 9m	
86	XT-10	Điểm đầu Khổng Tử. Điểm cuối Chu Văn An	<b>Âu Cơ</b>	Dài 131,70m Mặt cắt ngang 7m	
87	XT-11	Điểm đầu Hùng Vương. Điểm cuối Hò Thị Hương	<b>Trần Quốc Tuấn</b>	Dài 998,60m Mặt cắt ngang 7m	
88	XT-12	Điểm đầu hẻm 18/1. Điểm cuối XT-11	<b>Trần Quang Khải</b>	Dài 701,57m Mặt cắt ngang 7m	



<b>S T T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
89	XT-13	Điểm đầu Nguyễn Trung Trực. Điểm cuối XT-16	<b>Trần Nhật Duật</b>	Dài 256,96m Mặt cắt ngang 7m	
90	XT-14	Điểm đầu XT-15. Điểm cuối XT-16	<b>Phạm Ngũ Lão</b>	Dài 136,79m Mặt cắt ngang 7m	
91	XT-15	Điểm đầu XT-16. Điểm cuối XT-16	<b>Yết Kiêu</b>	Dài 337,02m. Mặt cắt ngang 7m	
92	XT-16	Điểm đầu Hồ Thị Hương. Điểm cuối Hồ Thị Hương	<b>Triệu Thị Trinh</b>	Dài 1301,26m Mặt cắt ngang 7m	
93	XT-17	Điểm đầu Hồ Thị Hương. Điểm cuối Trần Thượng Xuyên (XT-16)	<b>Nguyễn Thị Tôn</b>	Dài 130,16m Mặt cắt ngang 7m	

### **3.3.6. Phường Phú Bình:**

Gồm 27 tuyến đường. Đường Hùng Vương chạy qua và chia hệ thống đường ở phường Phú Bình làm hai khu vực: Khu vực phía Đông gồm từ: PB-13 đến PB-25, có những đường mang tên Lê Hữu Trác, Lương Thế Vinh. Khu vực phía Tây gồm từ: PB-1 đến PB-12, có những đường mang tên Phan Huy Chú, Đoàn Thị Điểm, Lê Hồng Phong. Để tạo thành cụm đường dễ tìm, thực hiện tính cân đối trong việc đặt tên danh nhân, đặt tên những nhân vật cách mạng địa phương.

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
94	PB-2	Điểm đầu đường PB-9. Điểm cuối Phan Huy Chú	<b>Huỳnh Thiện Nghệ</b>	Dài 201,19m Mặt cắt ngang 9m	
95	PB-3	Điểm đầu giáp đường PB-10, điểm cuối giáp PB- 12	<b>Nguyễn Văn Ký</b>	Dài 398,41m Mặt cắt ngang 9m	

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
96	PB-4	Điểm đầu đường PB-10. Điểm cuối đường PB-12	<b>Hoàng Minh Châu</b>	Dài 356,68m Mặt cắt ngang 7m	
97	PB-5	Điểm đầu giáp đường PB-10, điểm cuối giáp PB-12	<b>Lê Đình Nhơn</b>	Dài 524,87m Mặt cắt ngang 9m	
98	PB-6	Điểm đầu giáp đường 21/4, điểm cuối giáp Phan Huy Chú	<b>Huỳnh Văn Hón</b>	Dài 605,65m Mặt cắt ngang 9m	
99	PB-7	Điểm đầu đường PB-12. Điểm cuối đường PB-6	<b>Trần Văn Triết</b>	Dài 691,34m Mặt cắt ngang 9m	
100	PB-9	Điểm đầu giáp đường 21/4, điểm cuối giáp đường Vành đai 2 (Không phải PB-25)	<b>Trần Minh Trí</b>	Dài 420,23m Mặt cắt ngang 9m	
101	PB-10	Điểm đầu đường PB-6. Điểm cuối đường PB-2	<b>Nguyễn Văn Nghĩa</b>	Dài 674,91m Mặt cắt ngang 7m	
102	PB-11	Điểm đầu đường PB-7. Điểm cuối đường PB-4	<b>Lê Văn Tôn</b>	Dài 448,19m Mặt cắt ngang 7m	
103	PB-12	Điểm đầu giáp đường PB-1, giao với đường 21/4, điểm cuối giáp PB-25	<b>Tạ Nguyên Thiều</b>	Dài 1682,44m Mặt cắt ngang 7m	
104	PB-14	Điểm đầu đường PB-25. Điểm cuối đường PB-22	<b>Hoàng Bá Bích</b>	Dài 427,08m Mặt cắt ngang 7m	

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
105	PB-15	Điểm đầu giáp đường Lê Hữu Trác, điểm cuối giáp PB-22	<b>Trịnh Trọng Tráng</b>	Dài 209,24m Mặt cắt ngang 7m	
106	PB-16	Điểm đầu giáp đường PB-17, điểm cuối giáp PB-22	<b>Võ Cương</b>	Dài 238,00m Mặt cắt ngang 7m	
107	PB-17	Điểm đầu Lương Thế Vinh. Điểm cuối đường PB-19	<b>Hoàng Đình Thương</b>	Dài 385,29m Mặt cắt ngang 7m	
108	PB-18	Điểm đầu đường PB-17. Điểm cuối đường PB-22	<b>Trần Việt Trung</b>	Dài 250,20m Mặt cắt ngang 7m	
109	PB-19	Điểm đầu đường 21/4. Điểm cuối đường PB-25	<b>Trịnh Văn Dục</b>	Dài 582,72m Mặt cắt ngang 9m	
110	PB-20	Điểm đầu giáp đường PB-24, điểm cuối giáp PB-22	<b>Phan Đình Công</b>	Dài 165,73m Mặt cắt ngang 7m	
111	PB-21	Điểm đầu đường PB-25. Điểm cuối đường PB-22	<b>Huỳnh Văn Phan</b>	Dài 236,76m Mặt cắt ngang 7m	
112	PB-22	Điểm đầu Lương Thế Vinh. Điểm cuối ranh Bàu Sen	<b>Đặng Nguyên</b>	Dài 556,82m. Mặt cắt ngang: 9m	
113	PB-23	Điểm đầu đường PB-20. Điểm cuối đường PB-21	<b>Nguyễn Thị Nguyệt</b>	Dài 106,30m Lộ giới Mặt cắt ngang 7m	
114	PB-24	Điểm đầu giáp đường PB-19, điểm cuối giáp PB-	<b>Huỳnh Công Tâm</b>	Dài 174,12m Mặt cắt	

ST T	TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU	VỊ TRÍ	TÊN ĐẶT MỚI	QUY MÔ	GHI CHÚ
		21		ngang 7m	
115	PB-25	Điểm đầu ranh Xuân Tân. Điểm cuối ranh Bàu Sen	<b>Hoàng Văn Thái</b>	Dài 1.086,55m Mặt cắt ngang 12m	
116	PB-27	Điểm đầu đường PB-28. Điểm cuối ranh Xuân Hòa	<b>Vũ Hồng Phô</b>	Dài 176,43m Mặt cắt ngang 7m	
117	PB-28	Điểm đầu giáp đường 21/4, điểm cuối giáp đường XH-6	<b>Ngô Hà Thành</b>	Dài 246,19m Mặt cắt ngang 7m	
118	PB-29	Điểm đầu giáp đường PB-1, điểm cuối giáp ranh Xuân Tân	<b>Nguyễn Văn Trị</b>	Dài 457,06m Mặt cắt ngang 7m	
119	Hẻm 100 Lê Hữu Trác	Điểm đầu giáp đường Lê Hữu Trác, điểm cuối giáp đường PB 25	<b>Trần Văn Quý</b>	Dài 370m Mặt cắt ngang 6m	
120	Hẻm 18 Lương Thế Vinh	Điểm đầu giáp Lương Thế Vinh, điểm cuối giáp đường Lê Hữu Trác	<b>Huỳnh Văn Lũy</b>	Dài 250m Mặt cắt ngang 6m	

### 3.3.7. Phường Bảo Vinh:

Gồm có 9 tuyến đường (theo đề xuất của UBD phường). Đề xuất đặt tên các tướng lĩnh, nhà văn hóa, hoạt động cách mạng hai thời kỳ kháng chiến kháng chiến chống Pháp, Mỹ.

ST T	TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU	VỊ TRÍ	TÊN ĐẶT MỚI	QUY MÔ	GHI CHÚ
121	Đường số 3	Điểm đầu đường Ngô Quyền. Điểm	<b>Nguyễn Văn</b>	Dài 750m	

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
		cuối đường Thành Thái	<b>Tạo</b>	Lộ giới Mặt cắt ngang 7m	
122	Đường số 4	Điểm đầu đường Duy Tân. Điểm cuối đường số 3	<b>Hoàng Việt</b>	Dài 290m Mặt cắt ngang 7m	
123	Đường số 5	Điểm đầu đường Hàm Nghi. Điểm cuối đường nội đồng 23C	<b>Hoàng Minh Thảo</b>	Dài 2100m Mặt cắt ngang 7m	
124	Đường số 6	Điểm đầu đường Hàm Nghi. Điểm cuối đường số 5	<b>Nguyễn Hữu Xuyên</b>	Dài 800m Lộ giới Mặt cắt ngang 7m	
125	Đường tổ 30A đi đường tổ 23 Ruộng Lớn	Điểm đầu đường Ruộng Tre-Thọ An. Điểm cuối đường nội đồng số 23C	<b>Huỳnh Văn Một</b>	Dài 3000m Lộ giới Mặt cắt ngang 7m	
126	Đường tổ 30A	Điểm đầu đường Ruộng Tre-Thọ An. Điểm cuối đường nội đồng số 5	<b>Hồ Thị Bi</b>	Dài 500m Lộ giới Mặt cắt ngang 7m	
127	Đường ngã ba Cây Sung (trung tâm KP Suối Chồn)	Điểm đầu đường Suối Chồn-Bàu Cối. Điểm cuối đường số 5	<b>Nguyễn Chánh</b>	Dài 500m Mặt cắt ngang 7m	
128	Đường trung tâm KP Suối Chồn đi tổ 6 KP Suối Chồn	Điểm đầu từ đường ngã ba Cây Sung (TT.KP Suối Chồn). Điểm cuối đường Suối Chồn-Bàu Cối	<b>Lê Trọng Tấn</b>	Dài 2500m Mặt cắt ngang 7m	

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
129	Đường Bảo Vinh B- Bàu Cối	Điểm đầu đường Ngô Quyền. Điểm cuối xã Bảo Quang	<b>Hoàng Sâm</b>	Dài 1600m Mặt cắt ngang 9m	

### **3.3.8. Phường Xuân Lập:**

Gồm 6 đường. Đề nghị đặt tên danh nhân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp và Mỹ.

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
130	Đường số 1 (khu phố Trung Tâm).	Điểm đầu tiếp giáp đường quốc lộ 1. Điểm cuối giáp đường sắt	<b>Phan Trọng Tuệ</b>	Dài 1.900m. Mặt cắt ngang 20m	
131	Đường số 2 (khu phố Trung Tâm).	Điểm đầu giáp quốc lộ 1. Điểm cuối giáp đường Quốc lộ 1- Xuân Lập	<b>Phạm Hồng Thái</b>	Dài 1.800m. Mặt cắt ngang 9m	
132	Đường số 3 (Đường Quốc lộ 1- Xuân Lập)	Điểm đầu quốc lộ 1 (cầu vượt). Điểm cuối giáp đường số 1 (đoạn qua phường Xuân Lập)	<b>Phùng Chí Kiên</b>	Dài 6500m. Mặt cắt ngang 20m	
133	Đường số 4 (Xuân Lập – Bàu Sao)	Điểm đầu giáp đường sắt. Điểm cuối giáp xã Xuân Quê (Cẩm Mỹ)	<b>Phạm Hùng</b>	Dài 7.500m Mặt cắt ngang 20m.	
134	Đường Xuân Lập- Hàng Gòn	Điểm đầu nối QL 1 – Xuân Lập. Điểm cuối nối đường Xuân Lập - Bàu Sao	<b>Trần Xuân Độ</b>	Dài 2.400m. Mặt cắt ngang 20m	

### **3.3.9. Phường Bàu Sen**

Một con đường

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
135	Đường Bà Sen - Long Khánh	Điểm đầu nối Nguyễn Văn Trỗi. Điểm cuối giáp Phùng Chí Kiên	<b>Phan Anh</b>	Dài 3.000m Mặt cắt ngang 20m	

### 3.3.10. Phường Xuân Tân

Một con đường

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
136	Đường tổ 7 khu phố Cẩm Tân	Điểm đầu đường số 11. Điểm cuối giáp xã Hàng Gòn	<b>Lê Văn Huân</b>	Dài 1700m. Mặt cắt ngang 7m	

### 3.3.11. Xã Bình Lộc:

Gồm 13 tuyến đường đặt tên các danh nhân văn hóa cận hiện đại

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
137	Đường tổ 8-10 ấp 1	Điểm đầu giáp đường Lê A. Điểm cuối giáp khu công nghiệp Long Khánh	<b>Huỳnh Thúc Kháng</b>	Dài 1.650m Mặt cắt 7m	
138	Đường tổ 2C ấp 1	Điểm đầu tiếp giáp Lê A. Điểm cuối giáp Suối Chồn-Bàu Cối	<b>Nguyễn An Khương</b>	Dài 640m Mặt cắt 7m	
139	Đường số 1 ấp 1	Điểm đầu tiếp giáp Lê A. Điểm cuối giáp đường số 5	<b>Lê Quý Đôn</b>	Dài 225m Mặt cắt 7m	
140	Đường số 2 ấp 1	Điểm đầu giáp Lê A. Điểm cuối giáp đường số 5	<b>Phan Văn Trị</b>	Dài 230m Mặt cắt 7m	

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
141	Đường số 3 ấp 1	Điểm đầu giáp Lê A. Điểm cuối giáp đường số 5	<b>Nguyễn Thiếp</b>	Dài 235m Mặt cắt 7m	
142	Đường số 4 ấp 1	Điểm đầu giáp đường tổ 2C. Điểm cuối giáp khu dân cư	<b>Ngô Thị Nhậm</b>	Dài 1.000m Mặt cắt 7m	
143	Đường số 5 ấp 1	Điểm đầu giáp đường tổ 2C. Điểm cuối giáp khu dân cư	<b>Nguyễn Văn Tố</b>	Dài 725m Mặt cắt 7m	
144	Đường N5- D4-N3	Điểm đầu giáp đường Lê A. Điểm cuối giáp Lê A.	<b>Trần Quý Cáp</b>	Dài 834m Mặt cắt 11m	
145	Đường tổ 1-2 ấp 3	Điểm đầu giáp đường Lê A. Điểm cuối giáp đường Bình Lộc-Cây Da	<b>Trần Tế Xương</b>	Dài 990m Mặt cắt 7m	
146	Đường ấp 2 đi ấp 3	Điểm đầu giáp đường Bình Lộc-Tín Nghĩa. Điểm cuối giáp đường Lê A ấp 3	<b>Nguyễn Văn Siêu</b>	Dài 1.450m Mặt cắt 7m	
147	Đường ấp 3 đi ấp 4	Điểm đầu giáp đường Lê A ấp 3. Điểm cuối giáp đường Bình Lộc-Cây Da	<b>Lương Ngọc Quyền</b>	Dài 960m Mặt cắt 7m	
148	Đường tổ 8-9-10 ấp Cây Da	Điểm đầu giáp đường Bình Lộc-Cây Da. Điểm cuối giáp đường Cầu Cháy-Bình Lộc đi Bà Côi-Xuân Bắc	<b>Hoàng Văn Bôn</b>	Dài 1.900m Mặt cắt 6m	
149	Đường ấp 3	Điểm đầu giáp	<b>Nguyễn Văn</b>	Dài 528m	



<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG HIỆN HỮU</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
	đi áp 2 (Lê A nối dài)	đường Lê A áp 3. Điểm cuối giáp đường Bình Lộc-Tín Nghĩa	<b>Hoài</b>	Mặt cắt 6m	

### 3.3.12. Xã Bảo Quang:

Gồm 4 tên đường, mang tên những nhà văn hóa cận hiện đại, đồng thời là những nhà hoạt động cách mạng.

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
150	BQ1	Điểm đầu ngã ba Bảo Quang-Xuân Bắc. Điểm cuối ngã ba Ruộng Tre-Xuân Bắc	<b>Phạm Thiều</b>	Dài 1100m Mặt cắt 6m	
151	BQ2	Điểm đầu ngã ba Bảo Quang-Xuân Bắc. Điểm cuối ngã ba Ruộng Tre-Xuân Bắc	<b>Phan Văn Trường</b>	Dài 1382m Mặt cắt 6m	
152	BQ3	Điểm đầu từ cầu Ông Nhện áp Bà Cối đến cầu Cháy xã Bình Lộc	<b>Nguyễn Văn Tố</b>	Dài 1530m Mặt cắt 6m	
153	BQ4	Đường vào chùa Huyền Trang	<b>Phạm Văn Bạch</b>	Dài 1490m Mặt cắt 6m	

### 3.3.13. Phường Suối Tre

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
154	Bên hông bệnh viện Long Khánh	Điểm đầu giáp QL I. Điểm cuối vào Cẩm Mỹ	<b>Trần Quang Quá</b>	Dài 900m. Mặt cắt ngang 10,5m	

### 3.3.14. Xã Hàng Gòn: Gồm 5 tên đường.

Xã Hàng Gòn nằm trong vùng các đồn điền cao su trước đây, một vùng chiến sự ác liệt thời chống Mỹ. Dự kiến đặt tên theo cụm các tướng lĩnh, chỉ huy và tham gia chiến dịch Bình Giã (1964-1965) đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của Mỹ.

ST T	TÊN ĐƯỜNG	VỊ TRÍ	TÊN ĐẶT MỚI	QUY MÔ	GHI CHÚ
155	Đường N5	Điểm đầu giáp QL 56. Điểm cuối giao đường Hàng Gòn Xuân Quế	<b>Trần Đình Xu</b>	Dài 1200m. Mặt cắt ngang 9m	
156	Đường N7	Điểm đầu giáp QL 56. Điểm cuối giao đường N5	<b>Nguyễn Văn Quảng</b>	Dài 610m. Mặt cắt ngang 7m	
157	Đường N3	Điểm đầu giáp QL 56. Điểm cuối giao đường tổ 7 - ấp Hàng Gòn	<b>Lê Văn Tường</b>	Dài 2700m. Mặt cắt ngang 9m	
158	Đường N4	Điểm đầu giao đường D2. Điểm cuối giao đường N3	<b>Tạ Minh Khâm</b>	Dài 970m. Mặt cắt ngang 7m	
159	Đường D2	Điểm đầu giao đường N3. Điểm cuối giao đường N7	<b>Nguyễn Hòa</b>	Dài 765m. Mặt cắt ngang 7m	

**3.4. Đặt tên 28 tuyến đường trong khu đô thị mới phường Xuân Tân** (theo QĐ566/QĐ-UBND ngày 6/6/2011).

**Đặc điểm:** Hệ thống đường trong khu đô thị quy hoạch gồm các loại đường:

(1) *Đường Đối ngoại* là Quốc lộ 1A (do Bộ Giao thông quản lý, không đặt tên)

(2) *Đường khu vực* gồm 8 đường có quy mô (hơn đường nội bộ): Theo trục Nam-Bắc có 3 đường N1, N6, N7 đều giao với QL1; 2 đường N11 và N14 song song với N1,6,7 nhưng cắt đường D12 (song song QL1). Theo trục Đông-Tây có 3 đường D2, D7, D12 (song song QL1 và cắt ngang các đường N1, N6, N7, N11, N14).

(3) *Đường nội bộ:*

- Theo trục Nam-Bắc có 11 đường ký hiệu: Từ N2, N3, N4, N5, N8, N9, N10, N12, N13, N15, N16. đến N16.

- Theo trục Đông-Tây có các 9 đường ký hiệu: Từ D1, D3, D4, D5, D6, D8, D9, D10, D11.

Như vậy tổng cộng đặt tên 28 đường.

**Tên đường khu vực đô thị mới (8):**

Đây là khu mới, dễ dễ tìm, dễ nhớ, đề nghị đặt tên các đồng chí lãnh đạo địa phương, các tướng lĩnh cách mạng đều có gắn bó với chiến trường Long Khánh trong kháng chiến.

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
160	N1 (trục NB song song N6, N7)	Điểm đầu tiếp giáp QL1 và điểm cuối đường khu dân cư ấp Cẩm Tân	<b>Nguyễn Minh Châu</b>	Dài: 711m Mặt cắt ngang: 7m	
161	N6 (trục NB song song N1, N7)	Điểm đầu tiếp giáp QL1 và điểm cuối giao với đường Lê Hồng Phong	<b>Tạ Quang Bửu</b>	Dài: 506m Mặt cắt ngang: 10,5m	
162	N7 (trục NB song song N1, N6)	Điểm đầu tiếp giáp QL1 và điểm cuối giao với đường Lê Hồng Phong	<b>Lê Thoa</b>	Dài: 1489 Mặt cắt ngang: 14m	
163	N11	(trục NB song song các N1, N6, N7 nhưng cắt đường D12 song song QL1)	<b>Tạ Quang Tỹ</b>	Dài: 528m Mặt cắt ngang: 7m	
164	N14	(trục NB song song các N1, N6, N7 nhưng cắt đường D12 song song QL1)	<b>Trần Nam Trung</b>	Dài: 637m Mặt cắt ngang: 7m	
165	D2	(trục ĐT song song QL1 và cắt ngang các đường N1, N6, N7, N11, N14)	<b>Võ Bẩm</b>	Dài: 971m Mặt cắt ngang: 7m	
166	D7	(trục ĐT có vòng xoay song song QL1 và cắt ngang	<b>Nguyễn Hữu An</b>	Dài: 1376m Mặt cắt ngang:	

ST T	TÊN ĐƯỜNG	VỊ TRÍ	TÊN ĐẶT MỚI	QUY MÔ	GHI CHÚ
		các đường N1, N6, N7, N11, N14)		7m	
167	D12	(trục ĐT song song QL1 và cắt ngang các đường N1, N6, N7, N11, N14)	<b>Nguyễn Chí Diễm</b>	Dài: 1430m Mặt cắt ngang: 7m	

**Đường nội bộ khu đô thị mới: (20)**

ST T	TÊN ĐƯỜNG	VỊ TRÍ	TÊN ĐẶT MỚI	QUY MÔ	GHI CHÚ
168	N2	Các đường Ký hiệu N đều song song với các đường khu vực N1, N6, N7, N11, N14 nhưng độ dài, rộng quy mô nhỏ hơn	<b>Bùi Thanh Vân</b>	Dài: 199m Mặt cắt ngang: 7m	
169	N3	Điểm đầu N5 điểm cuối N4	<b>Dương Cự Tầm</b>	Dài: 396m Mặt cắt ngang: 7m	
170	N4	Điểm đầu N3 điểm cuối N5	<b>Đông Sĩ Nguyên</b>	Dài: 390m Mặt cắt ngang: 7m	
171	N5	Điểm đầu N4 điểm cuối N3	<b>Bùi Cát Vũ</b>	Dài: 320m Mặt cắt ngang: 7m	
172	N8	Điểm đầu N6 điểm cuối N9	<b>Lê Minh Thịnh</b>	Dài: 273m Mặt cắt ngang: 7m	
173	N9	Điểm đầu N8 điểm cuối N10	<b>Lê Bá Ước</b>	Dài: 180m Mặt cắt ngang: 7m	
174	N10	Điểm đầu N9 điểm cuối N8	<b>Lương Văn Nho</b>	Dài: 190m Mặt cắt ngang: 7m	

<b>ST T</b>	<b>TÊN ĐƯỜNG</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
175	N12	Điểm đầu N10 điểm cuối N13	<b>Tổng Viết Dương</b>	Dài: 336m Mặt cắt ngang: 7m	
176	N13	Điểm đầu N12 điểm cuối N9	<b>Hoàng Minh Thảo</b>	Dài: 210m Mặt cắt ngang: 7m	
177	N15	Điểm đầu N13 điểm cuối N12	<b>Nguyễn Sơn</b>	Dài: 192m Mặt cắt ngang: 7m	
178	N16	Điểm đầu N15 điểm cuối N11	<b>Nguyễn Đệ</b>	Dài: 210m Mặt cắt ngang: 7m	
179	D1	Các đường ký hiệu D đều song song các đường khu vực D2,D7,D12, nhưng quy mô nhỏ hơn.	<b>Lê Văn Ngọc</b>	Dài: 479m Mặt cắt ngang: 7m	
180	D3	Điểm đầu D2 điểm cuối D7	<b>Nguyễn Minh Thắng</b>	Dài: 368m Mặt cắt ngang: 7m	
181	D4	Điểm đầu D3 điểm cuối D7	<b>Nguyễn Nam Hung</b>	Dài: 220m Mặt cắt ngang: 7m	
182	D5	Điểm đầu D3 điểm cuối D12	<b>Nguyễn Đôn</b>	Dài: 220m Mặt cắt ngang: 7m	
183	D6	Điểm đầu D4 điểm cuối D5	<b>Lê Xuân Lựu</b>	Dài: 390m Mặt cắt ngang: 7m	
184	D8	Điểm đầu D3 điểm cuối D2	<b>Nguyễn Viết Xuân</b>	Dài: 272m Mặt cắt ngang: 7m	
185	D9	Điểm đầu D6 điểm cuối D8	<b>Phạm Văn Hy</b>	Dài: 412m Mặt cắt ngang 7m	

ST T	TÊN ĐƯỜNG	VỊ TRÍ	TÊN ĐẶT MỚI	QUY MÔ	GHI CHÚ
186	D10	Điểm đầu D8 điểm cuối D11	<b>Lê Thành Ba</b>	Dài: 255m Mặt cắt ngang: 7m	
187	D11	Điểm đầu D11 điểm cuối D9	<b>Nguyễn Trọng Tâm</b>	Dài: 180m Mặt cắt ngang: 7m	

### 3.5. Đổi tên: 2 đường

Đổi tên đường Hồng Thập Tự thành đường **Võ Chí Công**.

Đổi tên đường Khổng Tử thành đường **Võ Nguyên Giáp**.

### 3.6. Đặt tên công trình công cộng

#### 3.6.1. Công viên: 2

ST T	TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG HIỆN HỮU	VỊ TRÍ	TÊN ĐẶT MỚI	QUY MÔ	GHI CHÚ
188	Công viên cây xanh phường Xuân Trung	Tiếp giáp Quốc lộ I và đường Hồ Thị Hương	<b>Công viên 21 tháng 4</b>	Diện tích 1,2 ha	Đang sử dụng
189	Công viên vườn dầu phường Xuân Hòa	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu, Cách mạng Tháng Tám và Nguyễn Thị Minh Khai	<b>Công viên Cách mạng tháng Tám</b>	Diện tích 1,5 ha	Đang sử dụng

#### Lý do đặt tên:

- *21 tháng 4* là ngày giải phóng Thị xã Long Khánh, nay là thành phố Long Khánh; một sự kiện lịch sử có ý nghĩa với Đảng bộ và nhân dân thành phố; sự toàn thắng của chiến tranh nhân dân, Đảng bộ và quân dân Long Khánh cùng cả nước hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước.

- *Cách mạng Tháng Tám* (1945), sự kiện dưới sự lãnh đạo của Trung ương, Xứ ủy Nam bộ, Đảng bộ tỉnh Biên Hòa, nhân dân Long Khánh đã nhất tề nổi dậy, tháo xiềng xích của thực dân đế quốc giành được chính quyền. Hai sự kiện lịch sử thể hiện khát vọng của nhân dân Việt Nam nói chung, của nhân dân thành phố Long Khánh nói riêng, gắn với với những tên đường mang tên danh nhân lịch sử

đấu tranh cho độc lập, dân chủ như: Trần Huy Liệu, Hồ Thị Hương, Nguyễn Thị Minh Khai và sự kiện Cách mạng Tháng Tám 1945 của dân tộc Việt Nam.

### 3.6.2. Cầu giao thông:

Tiêu chí:

- Chỉ đặt tên những cây cầu có quy mô rộng trên 6m và dài trên 6m.
- Những cây cầu thực tế là công hợp thì không đặt tên.
- Tên các cây cầu: Tùy theo vị trí của cây cầu, nếu nằm trên một con đường không bị cắt ngang thì đặt tên cầu theo tên đường cho dễ nhớ và thuận tiện.
- Nếu cùng trên đường có tên, có nhiều cây cầu thì đặt tên danh nhân đó đi kèm số (1), (2), (3).
- Nếu tên cầu là địa danh lịch sử mang ý nghĩa truyền thống thì giữ nguyên.

Dựa trên các tiêu chí trên, địa bàn thành phố có tổng cộng 29 cây cầu đặt tên.

ST T	TÊN CÂY CẦU (Hiện hữu)	VỊ TRÍ	TÊN ĐẶT MỚI	QUY MÔ	GHI CHÚ
190	Cầu Thầy Tư	Đường QL56-Đồi Rìu	<b>Cầu Đồi Rìu</b> (địa danh xưa)	12m	BTCT
191	Cầu Gia Tráp	Đường Lê Hồng Phong	<b>Cầu Lê Hồng Phong</b>	12m	BTCT
192	Cầu Cổng Năm miệng	Đường Xuân Lập-Bàu Sen	<b>Cầu Phạm Hùng 1</b>	12m	BTCT
193	Cầu Bến Nhì	Đường Xuân Lập-Bàu Sen	<b>Cầu Phạm Hùng 2</b>	12m	BTCT
194	Cầu Bình Lộc	Đường Lê A	<b>Cầu Lê A 1</b>	24m	BTCT
195	Cầu Suối Tre	Đường ấp 3 xã Bình Lộc	<b>Cầu Lê A 2</b>	8m	Dầm thép liên hợp BTCT
196	Cầu Suối Tre	Trên Hồ Suối Tre Trên đường Suối Tre-Bình Lộc	<b>Đào Duy Từ</b>	8m	Dầm thép liên hợp BTCT
197	Cầu Cây Da	Bình Lộc-Cây Da-Xuân Bắc	<b>Cầu Cây Da 1</b> (địa danh cũ, quen)	8m	Dầm thép liên hợp BTCT
198	Cầu D22	Bình Lộc-Cây Da-Xuân Bắc	<b>Cầu Cây Da 2</b> (địa danh cũ,	8m	Dầm thép liên hợp

<b>ST T</b>	<b>TÊN CÂY CẦU (Hiện hữu)</b>	<b>VỊ TRÍ</b>	<b>TÊN ĐẶT MỚI</b>	<b>QUY MÔ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
			quen)		BTCT
199	Cầu Ba Cao	Bình Lộc-Tín Nghĩa	<b>Cầu Hà Huy Tập</b>	8m	BTCT
200	Cầu tổ 2C	Đường tổ 2C, ấp 1 xã Bình Lộc	<b>Nguyễn An Khương</b>	12m	Dầm thép liên hợp BTCT
201	Cầu Bình Lộc-Bàu Cối	Đường cầu Cháy Bình Lộc-Bàu Cối	<b>Cầu Trương Văn Bang</b>	8m	Dầm thép liên hợp BTCT
202	Cầu ấp 2 đi ấp 3 Bình Lộc	Đường ấp 2 đi ấp 3 Bình Lộc	<b>Nguyễn Văn Siêu</b>	8m	Dầm thép liên hợp BTCT
203	Cầu Đồng Háp	Bảo Vinh B-Bàu Cối	<b>Cầu Đồng Háp</b> (địa danh cũ, quen)	8m	BTCT
204	Cầu Suối Đá	Ruộng Tre-Xuân Bắc	<b>Cầu Suối Đá</b> (địa danh cũ, quen)	8m	BTCT
205	Cầu Thọ An	Ruộng Tre-Thọ An	<b>Cầu Trường Chinh 1</b>	12m	BTCT
206	Cầu Be	Ruộng Tre-Thọ An nối dài	<b>Cầu Trường Chinh 2</b>	9m	BTCT
207	Cầu Hòa Bình	Bàu Trâm 1	<b>Cầu Hòa Bình</b> (tên cũ quen gọi)	8m	BTCT
208	Cầu Hòa Hợp	Bàu Trâm 1	<b>Cầu Hòa Hợp</b> (tên cũ quen gọi)	8m	BTCT
209	Cầu Suối Cải 1	Đường Trần Nhân Tông	<b>Cầu Trần Nhân Tông</b>	6m	BTCT
210	Cầu Suối Cải 2	Đường Bảo Vinh B-Suối Chồn	<b>Cầu Nguyễn Trung Trực</b>	6m	BTCT
211	Cầu 908	Đường Nguyễn Trãi	<b>Cầu Nguyễn Trãi</b>	8m	BTCT



ST T	TÊN CÂY CẦU (Hiện hữu)	VỊ TRÍ	TÊN ĐẶT MỚI	QUY MÔ	GHI CHÚ
212	Cầu Hồ Thị Hương	Đường Hồ Thị Hương nối dài	<b>Cầu Hồ Thị Hương</b>	12m	BTCT
213	Cầu Suối Rét	Đường Hồ Thị Hương nối dài	<b>Cầu Suối Rét</b> (tên cũ quen gọi)	12m	BTCT
214	Cầu đường Ngô Quyền nối dài	Đường Ngô Quyền	<b>Cầu Ngô Quyền</b>	12m	BTCT
215	Cầu số 1	Đường Bình Lộc-Suối Tre	<b>Cầu Suối Tre</b>	12m	BTCT
216	Cầu vượt đường sắt	Đường 21 tháng 4	<b>Cầu 21 tháng Tư</b>	12m	BTCT
217	Cầu Bốn Thước	Đường Duy Tân	<b>Duy Tân</b>	12m	BTCT
218	Cầu Ông Nhện	Đường Suối Chồn – Bàu Cối	<b>Phạm Văn Đồng</b>	12m	BTCT
219	Cầu đường áp 3 đi áp 2	Giáp đường Lê A	<b>Nguyễn Văn Hoài</b>	12m	BTCT

*Tổng cộng việc đặt mới tên đường, đổi tên đường, công trình công cộng ở thành phố Long Khánh như sau:*

- A. **Đổi tên 2:** Từ đường Hồng Thập Tự thành đường Võ Chí Công; đường Khổng Tử thành đường Võ Nguyên Giáp.
- B. **Đường, công trình công cộng, cầu đặt mới:** 219 (trong đó hai đường nối dài là Lê A và Điều Xiển)
- B1. Đường liên phường-xã: 27 (số thứ tự từ số 1 đến 27)
- B2. Đường phường Xuân An: 07 (số thứ tự từ số 28 đến 34)
- B3. Đường phường Xuân Bình: 10 (số thứ tự từ số 35 đến 44)
- B4. Đường phường Xuân Hòa: 16 (số thứ tự từ số 45 đến 60)
- B5. Đường phường Xuân Thanh: 16 (số thứ tự từ số 61 đến 76)
- B6. Đường phường Xuân Trung: 17 (số thứ tự từ 77 đến 93)
- B7. Đường phường Phú Bình: 27 (số thứ tự từ 94 đến 120)
- B8. Đường phường Bảo Vinh: 09 (số thứ tự từ 121-129)
- B9. Đường phường Xuân lập: 05 (số thứ tự từ 130 đến 134)
- B10. Đường phường Bàu Sen: 01 (số thứ tự 135)

- B11. Đường phường Xuân Tân: 01 (số thứ tự 136)
- B12. Đường xã Bình Lộc: 13 (số thứ tự từ 137 đến 149)
- B13. Đường xã Bảo Quang: 04 (số thứ tự từ 150 đến 153)
- B14. Đường phường Suối Tre: 01 (số thứ tự 154)
- B15. Đường xã Hàng Gòn: 05 (số thứ tự từ 155 đến 159)
- B16. Đường khu đô thị Xuân Tân: 28 (số thứ tự từ 160 đến 187)
- B17. Công viên: 02 (số thứ tự 188-189)
- B18. Cầu giao thông: 30 (số thứ tự từ 190 đến 219)

Trên đây là đề án Đổi tên, đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Long Khánh (giai đoạn 2), kính trình Hội đồng Tư vấn đặt, đổi tên đường và công trình công cộng tỉnh, xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- CT, PCT UBND;
- Chánh, Phó VP;
- Lưu: VT, TH(CN).

**TM. UBND THÀNH PHỐ  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Quốc Thế**